Đường tiêm

- Tiêm dưới da: (subcutaneous)
  - đau: có nhiều đầu tận cùng TK
  - hấp thu chậm: ít mạch máu
- Tiêm bắp: (intramuscular)
  - cũng đau, hấp thu nhanh hơn SC
  - cấm tiêm: thuốc gây hoại tử cơ (calci clorid, heparin)
- Tiêm tĩnh mạch: (intravenous)
  - hấp thu hoàn toàn
  - what?
    - dung dịch nước
    - các chất kích ứng không tiêm bắp được (lòng mạch ít nhạy cảm, pha loãng thuốc nhanh nếu tiêm chậm)
  - cấm tiêm mạch máu:
    - thuốc tan trong dầu (thường tiêm IM)
    - thuốc làm kết tủa các thành phần của máu
    - thuốc làm tan hồng cầu
- Tiêm tủy sống
  - @: khoang dưới nhện, ngoài màng cứng
    → gây tê vùng chậu, chi dưới
  - ?: dung dịch có tỷ trong cao hơn dịch não tủy

Đường dùng ngoài

- Qua niêm mạc: mũi, họng, âm đạo, bàng quang
  - TD tại chỗ: *lidocain bôi gây tê (có thể hấp thu gây độc toàn thân)*
  - TD toàn thân: *miếng dán natri salicylat chống đông máu*
- Qua da
  - Da lành: sát khuẩn, giảm đau tại chỗ (thuốc mỡ, xoa bóp, cao dán)
  - Da tổn thương:
    - thuốc có thể được hấp thu, gây độc (esp chất dễ tan trong mỡ)
      e.g. *thuốc trừ sâu phospho hữu cơ*
  - Thuốc tăng thấm qua da khi
    - giữ ẩm nơi bôi thuốc (băng ép)
    - xoa bóp
    - dùng thuốc giãn mạch tại chỗ
  - Da trẻ em:
    - lớp sừng mỏng --> dễ thấm, kích ứng
- Nhỏ mắt:
  - chủ yếu tại chỗ
  - chảy qua ống lệ - tỵ --> niêm mạch mũi --> máu => toàn thân

Đường hô hấp

- ?: chất khí, thuốc bay hơi
- @: hấp thu nhanh (S rộng 80 - 100 m2)
  - TB biểu mô phế nang
  - niêm mạc đường hô hấp
- Thuốc dạng phun sương điều trị tại chỗ (hen, COPD)
- Là đường hấp thu và thải trừ chính của thuốc mê hơi, phụ thuộc
  - nồng độ thuốc mê
  - thông khí hô hấp
  - độ hòa tan thuốc mê trong máu

LIVEWORKSHEETS